

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 978/2022/HC-PT

Ngày: 22 - 12 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Úc Minh Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 578/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HCST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2243/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/. Ông Lê Quốc V, sinh năm 1967.

2/. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1967.

3/. Chị Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1988.

4/. Chị Lê Thị Thúy V, sinh năm 1992.

5/. Anh Lê Quốc Q, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Những người khởi kiện đều có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M – Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố C. Có văn bản xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố C:
Ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C.
Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C: Ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện Ngh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Lê Quốc V, bà Trần Thị Th, chị Lê Thị Ngọc Th, chị Lê Thị Thúy V, anh Lê Quốc Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/5/2022, người khởi kiện ông Lê Quốc V, bà Trần Thị Th, chị Lê Thị Ngọc Th, chị Lê Thị Thúy V và anh Lê Quốc Q trình bày:

1. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: thửa đất số 379, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.445m² (trong đó có 300m² đất ở và 3.145m² cây lâu năm) tọa lạc tại xã T1, thành phố C có nguồn gốc là của cha Lê Văn Ch sử dụng trước năm 1975 và từ 1975 đến 1988 bỏ hoang không ai quản lý canh tác. Năm 1988, khi ông lập gia đình riêng do không có đất ở nên ông khai hoang, cải tạo, sử dụng đất với diện tích 3.445m² và đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4, trồng cây ăn trái như xoài, mận, chuối, mai, chanh. Gia đình sử dụng ổn định liên tục từ năm 1998 đến nay không ai tranh chấp, năm 1993 ông nộp thuế Nhà nước cho đến nay.

Năm 2020, ông đi đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố C ra Quyết định số 358/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/6/2020 công nhận đất sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Lê Quốc V. Đến ngày 20/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02035, số phát hành CV 855053, thửa đất số 379, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.445m².

2. Quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 05/3/2021, Ủy ban nhân dân xã T1 mời ông tổng đạt Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02035, cấp ngày 20/7/2020. Lý do: cho rằng cấp sai đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận của ông là trái pháp luật, bởi:

- Quá trình sử dụng: Ông là người sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1988 đến thời điểm cấp giấy chứng nhận là 32 năm liên tục, thỏa mãn thời gian chiếm hữu ngay tình, công khai, ổn định, không ai tranh chấp, hơn 30 năm đối với bất động sản quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự nên được quyền sử dụng thửa đất nêu trên, thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận cho ông là đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

Qua đối thoại, những người khởi kiện thấy rằng Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào Quyết định số 169/QĐ-UB-ND ngày 23/5/2000, Quyết định số 210/QĐ-UB-ND ngày 26/4/2001, một phần Quyết định số 242/QĐ-UB-ND ngày 23/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế quá trình sử dụng đất của hộ ông V. Nhưng do các Quyết định trên đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu Ủy ban nhân dân Tỉnh hủy, bởi:

- Một là bà Bạch Y đã bỏ đi biệt xứ từ năm 1984, không rõ đi đâu, không có mặt tại địa phương, không rõ tung tích gia đình, người thân.

- Hai là bà Y không có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với thửa 379, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.445m² ở xã T1 và ông V là người khai hoang, sử dụng diện tích này từ năm 1988, trước ngày Luật đất đai 1993 có hiệu lực.

Nay những người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 và Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 167/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố C. Lý do: Quyết định số 436/QĐ-UBND trái với quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật tổ tụng hành chính năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), xem xét, kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét thu hồi toàn bộ Quyết định số 169/QĐ-UB-ND ngày 23/5/2000, Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 26/4/2001 và một phần Quyết định số 242/QĐ-UB-ND ngày 23/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật nêu trên.

Theo Văn bản ý kiến số 1340/UBND-TNMT ngày 25/6/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

1. Diễn biến nguồn gốc thửa đất mà hộ ông Lê Quốc V đang sử dụng:

Ngày 23/5/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số

169/QĐ-UB-NĐ về việc giải quyết tranh chấp giữa Bà Lê Thị Bạch Y, ngụ quận B, thành phố Hồ Chí Minh với 08 hộ dân, ngụ xã T1, thị xã C; trong Quyết định nêu trên tại Điều 1, có ghi: Điều chỉnh Quyết định số 242/QĐ-UB-NĐ ngày 23/3/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giải quyết thu hồi diện tích 3.770m² đất của ông Lê Văn Ch (cha của ông Lê Quốc Ng) đang sử dụng giao lại cho bà Y được quyền sử dụng.

Ngày 26/4/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 210/QĐ-UB-NĐ về việc hiệu chỉnh Quyết định số 169/QĐ-NĐ ngày 23/5/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Buộc ông Lê Văn Ch và con là Lê Quốc V, tháo dỡ nhà và vật kiến trúc khác trên diện tích 3.599m² đất đang tranh chấp cho bà Lê Thị Bạch Y được quyền sử dụng, nhưng hai ông không thực hiện theo Quyết định nêu trên mà tiếp tục sử dụng cho đến nay.

2. Quá trình lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Quốc V:

Ngày 01/02/2020, ông Lê Quốc V nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thành phố C.

Ngày 19/2/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C phối hợp với Cán bộ địa chính xã tiến hành khảo sát đo đạc hiện trạng thửa đất lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Quốc V và Ủy ban nhân dân xã T1 tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và quá trình sử dụng.

Cuộc họp lấy ý kiến đã xác minh nguồn gốc thửa đất của cha là ông Lê Văn Ch sử dụng trước năm 1975, đến năm 1988 cho lại ông Lê Quốc V sử dụng ổn định liên tục cho đến nay, hiện trạng không tranh chấp.

Ngày 04/3/2020, Ủy ban nhân dân xã T1 thông báo về việc công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng 15 ngày tại Ủy ban nhân dân xã, suốt thời gian niêm yết hồ sơ nói trên ai có khiếu nại hoặc khai báo thì nộp đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân xã để giải quyết, đến ngày 19/3/2020, Ủy ban nhân dân xã kết thúc công khai kết quả niêm yết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhận được đơn khiếu nại đối với thửa đất đã niêm yết.

Ngày 24/4/2020, Ủy ban nhân dân xã T1, kiểm tra hồ sơ xác nhận vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Quốc V phù hợp với hiện trạng, nguồn gốc đất của cha là ông Lê Văn Ch sử dụng trước năm 1975 đến năm 1988 cho lại cho ông Lê Quốc V sử dụng ổn định liên tục đến nay, không tranh chấp.

Ngày 22/6/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 54 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 25/6/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND.NĐ về việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Quốc V, đến ngày 20/7/2020 ông được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 379, tờ bản

đồ số 11, diện tích 3.445m², trong đó 300m² đất ở và 3.145m² đất cây lâu năm, về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thiết lập hồ sơ do cán bộ địa chính xã mới điều động từ xã T2 chuyển về nên không cập nhật đầy đủ nguồn gốc thửa đất nêu trên đã có Quyết định giải quyết tranh chấp đất của Ủy ban nhân dân Tỉnh dẫn đến lấy ý kiến dân cư và lập hồ sơ sai sót.

3. Trình tự thủ tục kiểm tra, rà soát và ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Quốc V:

Ngày 09/12/2020, Ủy ban nhân dân xã T1 ban hành Công V số 520/UBND về việc giải quyết trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai đối tượng tại tổ 7, ấp T, xã T1 (*kèm theo Công V*).

Căn cứ kết quả kiểm tra rà soát, đối chiếu với nội dung Công V 520/UBND của Ủy ban nhân dân xã T1. Phòng Tài nguyên và Môi trường đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Quốc V, tại thửa số 379, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.445m², trong đó 300m² đất ở và 3.145m² đất trồng cây lâu năm, cấp ngày 20/7/2020, số phát hành CV855053 và số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02035 (*kèm theo Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C*).

Lý do: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sai đối tượng theo điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân thành phố C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CV855053 và số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng CH02035 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 20/7/2020.

Theo Văn bản ý kiến số 419/UBND-TCD-NC ngày 30/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Ngày 23/10/1997, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 242/QĐ-UB-NĐ về giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị Bạch Y với 08 hộ dân (trong đó có ông Lê Quốc Ng), cùng cư ngụ xã T1, thị xã C (nay là thành phố C). Quyết định trên ông Lê Quốc Ng đã nhận và đã biết (tại biên bản ngày 18/11/1997).

Ngày 23/5/2000, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB-NĐ điều chỉnh Quyết định số 242/QĐ-UB-NĐ ngày 23/10/1997 về việc tranh chấp đất giữa Lê Thị Bạch Y, ngụ Phường 7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với 08 hộ dân cùng cư ngụ xã T1, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Đồng Tháp. Ngày 26/4/2001, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 210/QĐ-UB-NĐ về việc hiệu chỉnh Quyết định số 169/QĐ-UB-NĐ. Đối với 02 Quyết định trên, ông Lê Văn Ch (là cha ông Lê Quốc Ng) và con là Lê Quốc V đã nghe và đã biết (tại Biên bản ngày 25/4/2005).

Nay ông Lê Quốc V yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 242/QĐ-UB-NĐ ngày 23/10/1997, Quyết định số 169/QĐ-UB-NĐ ngày 23/5/2000 và Quyết định số

210/QĐ-UB-NĐ ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân Tỉnh là không có cơ sở; Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính quy định: “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính”, thì thời hiệu khởi kiện của ông Lê Quốc V đã hết; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên các Quyết định số 242/QĐ-UB-NĐ ngày 23/10/1997, Quyết định số 169/QĐ-UB-NĐ ngày 23/5/2000 và Quyết định số 210/QĐ-UB-NĐ ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm d khoản 1 Điều 143, khoản 3 Điều 54, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 105, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào quy định tại điều 70, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Bác khởi kiện của ông Lê Quốc V đối với yêu cầu hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 và Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Hủy Quyết định số 358/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc công nhận đất sử dụng vào mục đích nông thôn và đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Lê Quốc V.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th, chị Lê Thị Ngọc Th, chị Lê Thị Thúy V và anh Lê Quốc Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/8/2022, ông Lê Quốc V, bà Trần Thị Th, chị Lê Thị Ngọc Th, chị Lê Thị Thúy V và anh Lê Quốc Q có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, vì phần diện tích đất khiếu nại gia đình ông V đã sử dụng ổn định từ năm 1988 đến nay. Bà Lê Thị Bạch Y hiện nay đã bỏ đi nơi khác, không còn cư trú tại địa phương; từ khi UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết tranh chấp năm 2000 đến nay thì bà Y không sử dụng đất; gia đình ông V vẫn sử dụng phần đất này và bà Y không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham

gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính.

- Về nội dung: Các chứng cứ có tại hồ sơ và qua thẩm vấn, tranh luận luận tại phiên tòa đã thể hiện rõ phần diện tích đất hơn 3.000m² mà UBND cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Quốc V có nguồn gốc của gia đình bà Y, từ năm 1996 đến năm 2001 chính quyền các cấp đã giải quyết việc tranh chấp của gia đình bà Y với các hộ dân trong đó có gia đình ông V. Tại các Quyết định số 242/QĐ.UB-ND ngày 23/10/1997, Quyết định số 169/QĐ.UB-ND ngày 23/5/200, Quyết định số 210/QĐ-UB.ND ngày 26/4/2001 của UBND tỉnh Đồng Tháp đều có nội dung thu hồi diện tích đất 3.599m² (phần đất cấp giấy cho ông Lê Quốc V hiện nay) của gia đình ông V giao lại cho bà Lê Thị Bạch Y. Các quyết định này đều đã có hiệu lực, nhưng phía gia đình ông V không chấp hành. Do đó việc UBND nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất nay cho ông V là không đúng quy định pháp luật đất đai nên UBND TP C ban hành Quyết định 167 thu hồi giấy chứng nhận của ông V là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Quốc V đúng hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với những người khởi kiện gồm Trần Thị Th, Lê Thị Ngọc Th, Lê Thị Thúy V và Lê Quốc Q; Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của những đương sự này với lý do đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, khi những người này nộp đơn kháng cáo thì Tòa án cấp sơ thẩm cần kiểm tra và giải thích họ chỉ có quyền kháng cáo đối với việc đình chỉ giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện của họ còn các nội dung khác không có quyền kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét kháng cáo của những đương sự này và hoàn trả tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Quốc V:

[3.1] Ngày 05/6/2020 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND.NĐ công nhận đất sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Lê Quốc V, ngày 20/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02035, số phát hành CV 855053, thửa đất số 379, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.445m². Ông Lê Quốc V xác định diện tích đất này chính là diện tích đất 3.770m² trong các quyết định số 30, 242, 169 và 210 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị Bạch Y và các hộ dân (trong đó có

hộ của ông Chánh - cha của ông V) tại xã T1, thị xã C.

[3.2] Ông Lê Quốc V cho rằng diện tích đất nêu trên có nguồn gốc của cha ông là Lê Văn Ch sử dụng trước năm 1975 và từ 1975 đến 1988 bỏ hoang không ai quản lý canh tác, năm 1988, khi ông lập gia đình riêng do không có đất ở nên ông khai hoang, cải tạo, sử dụng. Lời trình bày này của ông V là không có căn cứ, bởi lẽ: tại các quyết định giải quyết tranh chấp đất số 30, 242, 169 và 210 nêu trên đều thể hiện nguồn gốc đất là của ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị H (cha mẹ bà Lê Thị Bạch Y) sử dụng từ năm 1970 là 16.694m². Năm 1983, ông Lê Quốc Ng là Chủ tịch xã T1 thu hồi toàn bộ đất của bà H do nghi vấn gia đình bà vượt biên nên gia đình bà H phải chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Năm 1983, bà Y khiếu nại yêu cầu đòi lại phần đất do ông Ng và các hộ khác sử dụng. Ngày 11/6/1996, UBND thị xã C ban hành Quyết định số 30/QĐ-UB giải quyết tranh chấp giữa bà Y và 08 hộ dân, nội dung Quyết định có ghi nhận: “*Buộc gia đình ông Lê Quốc Ng phải giao 3.770m² đất nông nghiệp cho bà Lê Thị Bạch Y*”, riêng các hộ khác thì phải trả thành quả lao động và giá trị đất cho bà Y. Lúc này bà Y không đồng ý nên khiếu nại đến UBND tỉnh Đồng Tháp. Ngày 23/10/1997, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 242/QĐ-UB-ND điều chỉnh Quyết định số 30, nội dung: “*Thu hồi 3.770m² đất mà trước đây ông Lê Quốc Ng bao chiếm giao trả lại cho bà Lê Thị Bạch Y được quyền sử dụng*” các phần khác trong Quyết định số 30 thì giữ y. Ngày 18/11/1997, UBND tổ chức công bố Quyết định số 242 (BL số 96 đến 98). Ngày 11/11/1998, UBND thị xã C và UBND xã T1 tổ chức thi hành Quyết định số 242 của UBND Tỉnh (BL số 74 đến 76), theo biên bản này thì Đoàn tiến hành đo đạc xác định có nhà ông Lê Quốc V đang ở và đã ấn định cho ông V thời gian là 30 ngày từ 11/11/1998 đến 11/12/1998 phải di dời ra khỏi khu vực đất, các cây xoài mới trồng và hoa màu trên mặt đất để trả đất cho bà Y và kể từ ngày 11/11/1998 đất này được giao cho bà Y. Tiếp tục, ngày 17/3/1999 UBND thị xã kết hợp với UBND xã T1 tổ chức lập biên bản thi hành Quyết định số 242 có mặt ông Lê Văn Ch, ông Lê Quốc Ng, ông Lê Quốc V và bà Lê Thị Bạch Y. Biên bản ngày 17/3/1999 xác định ông V đang có căn nhà tre lá trên đất và một số cây ăn trái, đồng thời quy định thời hạn từ ngày 17/3/1999 đến 17/4/1999 phải di dời trả đất cho bà Y.

Ông Lê Quốc Ng tiếp tục khiếu nại, ngày 23/5/2000 UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB-ND điều chỉnh Quyết định số 242, nội dung thu hồi diện tích: “*Thu hồi 3.770m² của ông Lê Văn Ch (cha ông Lê Quốc Ng) đang sử dụng giao lại cho bà Lê Thị Bạch Y được quyền sử dụng...*”.

Ngày 26/4/2001, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 210/QĐ-UB-ND hiệu chỉnh Điều 1 Quyết định số 169/QĐ-UB-ND với nội dung: “*Phần diện tích đất của ông Lê Văn Ch theo đúng hiện trạng sử dụng là 3.599m² (đang cho con là Lê Quốc V mượn sử dụng). Buộc ông Lê Văn Ch và con là Lê Quốc V tháo dỡ nhà và vật kiến trúc khác trên diện tích 3.599m² đang tranh chấp cho bà Lê Thị Bạch Y được quyền sử dụng*”. Ngày 16/5/2001, UBND xã T1 lập biên bản tổ chức công bố và trao Quyết định số 169 và Quyết định số 210 có mặt ông Chánh, ông V và vắng mặt bà Y. Ngày 14/8/2001, đại diện UBND thị xã và UBND xã T1 tổ chức thi hành Quyết định số 210, có mặt ông Chánh, ông V, bà Y.

Như vậy: Phần đất này, bà Lê Thị Bạch Y đã có tranh chấp với gia đình ông Lê Quốc V từ năm 1983, UBND có thẩm quyền đã ban hành nhiều Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giao phần đất trên cho bà Y và nhiều lần tổ chức thi hành Quyết định nhưng ông V vẫn không chấp hành. Do đó ông V kê khai đăng ký diện tích đất này và việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông V của UBND thành phố C là vi phạm vào điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai do hộ ông V không phải là đối tượng được cấp quyền sử dụng đất như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 167, Quyết định 436 thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Lê Quốc V là đúng quy định của pháp luật.

[4] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V là có cơ sở, tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi được quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông V phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quốc V.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc V đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 và Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Hủy Quyết định số 358/QĐ-UBND.NĐ ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc công nhận đất sử dụng vào mục đích nông thôn và đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Lê Quốc V.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th, chị Lê Thị Ngọc Th, chị Lê Thị Thúy V và anh Lê Quốc Q.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Quốc V phải nộp 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006160 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí của bà Trần Thị Th, chị Lê Thị Ngọc Th, chị Lê Thị Thúy V và anh Lê Quốc Q đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0004662, 0004661, 0004660 và 0004663 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Quốc V phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004746 ngày 22/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp vào phần án phí phải chịu.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp hoàn trả tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho các ông bà Trần Thị Th, Lê Thị Ngọc Th, Lê Thị Thúy V và Lê Quốc Q mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0004747, 0004748, 0004749, 0004750 cùng ngày 22/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).18b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh